

**HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG (TPP)**

Nguyễn Văn Hùng

*Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM***Tổng quan về Đàm phán Hiệp định đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP)**

Đàm phán Hiệp định đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP) hiện nay có nguồn gốc từ Hiệp định hợp tác Kinh tế chiến lược Xuyên Thái Bình Dương (Trans- Pacific Strategic Economic Partnership Agreement – còn gọi là P4) - một Hiệp định thương mại tự do được ký kết ngày 3/6/2005, có hiệu lực từ 28/5/2006 giữa 4 nước Singapore, Chile, New Zealand, Brunei.

Năm 2007, các nước thành viên P4 quyết định mở rộng phạm vi đàm phán của Hiệp định này ra các vấn đề dịch vụ tài chính và đầu tư và trao đổi với Hoa Kỳ về khả năng nước này tham gia vào đàm phán mở rộng của P4. Phía Hoa Kỳ cũng bắt đầu tiến hành nghiên cứu vấn đề, tham vấn nội bộ với các nhóm lợi ích và Nghị viện về vấn đề này. Tháng 9/2008, USTR thông báo quyết định của Hoa Kỳ tham gia đàm phán P4 mở rộng và chính thức tham gia một số cuộc thảo luận về mở cửa thị trường dịch vụ tài chính với các nước P4. Tháng 11 cùng năm, các nước Úc, Peru và Việt Nam cũng bày tỏ sự quan tâm và tham gia đàm phán TPP, nâng tổng số thành viên tham gia lên 8 nước (trừ Việt Nam đến 13/11/2010 mới tuyên bố tham gia đàm phán với tư cách thành viên đầy đủ, các nước khác quyết định tham gia chính thức ngay từ đầu). Cũng từ thời điểm này, đàm phán mở rộng P4 được đặt tên lại là đàm phán Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP).

Tuy nhiên đàm phán TPP mới đã bị trì hoãn đến tận cuối 2009 do phải chờ đợi Hoa Kỳ hoàn thành kỳ bầu cử Tổng thống và Chính quyền mới của Tổng thống Obama tham vấn và xem xét lại việc tham gia đàm phán TPP. Tháng 12/2009 USTR mới thông báo quyết định của Tổng thống Obama về việc Hoa Kỳ tiếp tục tham gia TPP.

Vòng đàm phán TPP đầu tiên được tiến hành tại Melbourne - Úc vào tháng 3/2010. Năm 2010 đã chứng kiến 4 vòng đàm phán trong khuôn khổ TPP. Các nước đàm phán đặt mục tiêu là sẽ hoàn thành đàm phán TPP vào cuối 2011 sau 5 vòng đàm phán dự kiến trong năm này. Mục tiêu này được đánh giá là hơi quá tham vọng bởi các đối tác tham gia TPP hiện còn khá xa nhau về quan điểm trong một số vấn đề cũng như kỳ vọng ở TPP.

**1. CÁC ĐỐI TÁC ĐÀM PHÁN TPP VÀ LƯU Ý ĐỐI VỚI VIỆT NAM**

Có 08 đối tác tham gia 03 Vòng đàm phán đầu tiên của TPP, bao gồm 4 nước thành viên P4 (là New Zealand, Brunei, Chile, Singapore) và 4 nước bên ngoài (là Australia, Peru, Hoa Kỳ và Việt Nam). Malaysia tham gia TPP từ Vòng đàm phán thứ 3, nâng tổng số đối tác tham gia đàm phán TPP lên 9 nước.

Trong tương lai, số lượng các bên tham gia đàm phán còn có thể mở rộng thêm bởi nhiều nước khác trong khu vực ASEAN và APEC đã tỏ thái độ quan tâm đến TPP, đặc biệt là Nhật Bản, Canada, Hàn Quốc, Indonesia và Thái Lan.

**1.1. Hoa Kỳ và sự can dự của nước này vào TPP**

Trong số các nước tham gia TPP tính đến thời điểm hiện nay, Hoa Kỳ là nước lớn nhất và do đó cũng là nước có ảnh hưởng nhất tới tiến trình, phạm vi cũng như kết quả đàm phán. Vì vậy việc tìm hiểu mục tiêu, tham vọng cũng như những vấn đề nội bộ liên quan của Hoa Kỳ có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định tương lai của TPP.

Ngoài ra, đối với Việt Nam mặc dù TPP tương lai sẽ là Hiệp định thương mại tự do chung giữa Việt Nam và ít nhất là 8 nước khác, Hoa Kỳ vẫn là đối tác chính và cần lưu ý nhất trong đàm phán bởi hai lý do:

–So với các nước khác, Hoa Kỳ là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam (đặc biệt trong lĩnh vực xuất khẩu);

– Việt Nam đã có sẵn thỏa thuận thương mại tự do với Australia, New Zealand (trong AANZFTA) và Brunei, Singapore, Malaysia (trong AFTA), đang đàm phán với Peru và sẽ ký FTA với Chile, do đó nếu TPP có đi tới đích thì hiện trạng thương mại giữa Việt Nam với các nước này cũng không thay đổi đáng kể.

### ***Về mục tiêu của Hoa Kỳ***

Theo quan sát của các chuyên gia, Hoa Kỳ tham gia đàm phán TPP chủ yếu vì lợi ích kinh tế (các mục tiêu địa chính trị cũng được một số ý kiến nhắc đến, tuy nhiên không được tuyên bố hay thể hiện rõ ràng). Cụ thể, Hoa Kỳ được cho là mong muốn thúc đẩy TPP vì các mục tiêu sau đây:

- Gia tăng lợi ích của Hoa Kỳ trong chính sách kinh tế và đối ngoại với Đông Nam Á, xây dựng tiền đề cho hội nhập kinh tế của Hoa Kỳ với Khu vực Châu Á-Thái Bình Dương;
- Mở rộng thị trường và tăng cường xuất khẩu của Hoa Kỳ, gắn với việc thực hiện Sáng kiến Tăng cường Xuất khẩu (với mục tiêu tham vọng là tăng gấp đôi kim ngạch xuất khẩu của Hoa Kỳ trong vòng 5 năm);
- Khắc phục tình trạng Hoa Kỳ bị đứng ngoài một khu vực có tốc độ phát triển nhanh nhất thế giới do việc gia tăng các Hiệp định Thương mại Tự do trong khu vực này mà không có sự tham gia của Hoa Kỳ
- Chống lại những ảnh hưởng ngày càng gia tăng về thương mại của Trung Quốc trong khu vực và trên thế giới
- Tiếp tục mục tiêu tự do hóa thương mại kiểu Mỹ thông qua việc ký kết và thực thi các FTA (đặc biệt trong hoàn cảnh tiến trình tự do hóa thương mại đa biên thông qua Vòng đàm phán Doha không đạt được tiến triển gì đáng kể).

### **1.2. Malaysia – Những bước đi thận trọng**

Malaysia là nước đầu tiên ngoài 8 nước ban đầu bày tỏ ý định tham gia đàm phán TPP và đã nhận được sự ủng hộ của các bên trong TPP. Nước này đã dành cả giai đoạn xuân hè năm 2010 để nghiên cứu thông tin về đàm phán TPP, những nội dung mà đàm phán này sẽ bao trùm (mà đặc biệt là những lĩnh vực mà nước này đã từ chối mở cửa trong đàm phán FTA song phương với Hoa Kỳ đã đổ vỡ trước đó, bao gồm mua sắm công và thị trường dịch vụ) và tham vấn nội bộ về kỳ vọng của các nhóm lợi ích đối với đàm phán này.

Việt Nam tuy tham gia TPP ngay từ giai đoạn đầu của đàm phán này nhưng chỉ với tư cách là thành viên liên kết. Phải đến sau Vòng đàm phán thứ 3, sau nhiều hối thúc của các đối tác khác trong TPP mà đặc biệt là Hoa Kỳ, nhân dịp Hội nghị Thượng đỉnh APEC 2010 tại Nhật Bản, Việt Nam mới chính thức tham gia TPP với tư cách thành viên đầy đủ với tuyên bố của Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết. Nhiều người hy vọng rằng khoảng thời gian hơn một năm cân nhắc này đã được sử dụng một cách hữu ích với việc xem xét đầy đủ và toàn diện những ảnh hưởng có thể có của TPP với nền kinh tế Việt Nam.

### **1.3. Canada và Nhật Bản – Những quan ngại nội địa**

Trong số các nước bày tỏ ý định xem xét gia nhập đàm phán TPP, Canada và Nhật Bản là hai nước có hành động rõ ràng nhất về vấn đề này.

Cụ thể, hai nước này đã tiến hành một số cuộc gặp với các nước thành viên TPP để trao đổi thông tin, tìm hiểu về tham vọng của quá trình đàm phán cũng như kỳ vọng của các nước thành viên khi tham gia TPP.

Tuy nhiên, một vài trong số các nước thành viên TPP không mấy hào hứng với việc mời Canada tham gia TPP, một phần lý do chủ yếu là bởi nước này vẫn giữ lập trường cứng rắn trong việc bảo vệ ngành sữa.

Về phần Nhật Bản, nước này hiện đang gặp phải những khó khăn trong việc trao đổi, tham vấn và thuyết phục các nhóm lợi ích nội địa về sự tham gia TP nên chưa thể sớm có quyết định chính thức. Mặt khác, cũng như Canada, Nhật Bản dường như vẫn giữ quan điểm duy trì bảo hộ ở mức độ cao đối với ngành nông nghiệp và điều này khiến một số thành viên TPP không hẳn mặn mà với việc Nhật Bản tham gia đàm phán này.

**Đối với Việt Nam, sự tham gia này đặt ra ít nhất 02 vấn đề quan trọng:**

- Việc xem xét có chấp nhận sự tham gia của các nước mới vào đàm phán TPP hay không cần được xem xét cẩn trọng từ góc độ lợi ích có liên quan của Việt Nam. Ví dụ đối với Canada, việc tiếp cận thị trường sữa của nước này không phải là quá quan trọng đối với Việt Nam trong khi việc khai thác những lợi thế khác từ nước này lại có ý nghĩa với chúng ta.
- Việc các nước như Canada, Nhật Bản có những lưu tâm đặc biệt tới việc bảo hộ ngành nông nghiệp của nước mình là điều mà Việt Nam cũng nên học tập để bảo vệ nhóm chủ thể dễ bị tổn thương (và thực tế là đã bị ảnh hưởng tiêu cực) từ tự do hóa thương mại của mình.

**2. TÁC ĐỘNG TIỀM TÀNG CỦA TPP – PHƯƠNG ÁN ĐÀM PHÁN NÀO CHO VIỆT NAM?**

Ký kết một FTA về bản chất là chấp thuận mở rộng thị trường của mình cho hàng hóa dịch vụ nước ngoài cũng như xác lập quyền tiếp cận đối với thị trường đối tác ở mức độ ưu tiên so với thông thường. Với tính chất là một FTA “thế hệ mới”, sự “ưu tiên” này có thể ở mức độ “đặc biệt”.

Với cách hiểu thông thường này, lợi ích trong TPP của Việt Nam chủ yếu nằm ở khả năng hàng hóa dịch vụ của chúng ta sẽ được ưu tiên hơn khi tiếp cận thị trường các nước đối tác thông qua việc đối tác cắt giảm thuế quan, bãi bỏ các điều kiện đối với đầu tư dịch vụ.

Tác động bất lợi của TPP sẽ nằm ở thị trường Việt Nam, ở sự cạnh tranh gay gắt hơn giữa sản xuất, dịch vụ trong nước với hàng hóa, dịch vụ nước ngoài cũng như ở những thách thức lớn hơn trong việc bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ, các vấn đề về lao động, môi trường khi mà hàng hóa dịch vụ hay đầu tư từ các nước TPP sẽ được ưu tiên khi tiếp cận thị trường chúng ta.

**2.1. Lợi ích từ TPP và các điều kiện tiên quyết**

**(i) Nhóm các lợi ích khai thác từ thị trường nước ngoài (các nước đối tác TPP)**

Lợi ích ở thị trường các nước đối tác TPP mà Việt Nam có thể tận dụng từ TPP thể hiện ở 2 hình thức chủ yếu:

**Lợi ích thuế quan** (đối với thương mại hàng hóa):

Lợi ích này được suy đoán là sẽ có được khi hàng hóa Việt Nam được tiếp cận các thị trường này với mức thuế quan thấp hoặc bằng 0. Như vậy lợi ích này chỉ thực tế nếu hàng hóa Việt Nam đang phải chịu mức thuế quan cao ở các thị trường này và thuế quan là vấn đề duy nhất cản trở sức cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam trên các thị trường này.

Là một nền kinh tế định hướng xuất khẩu, việc chúng ta có thể tiếp cận các thị trường lớn như Hoa Kỳ với mức thuế suất bằng 0 hoặc thấp như vậy sẽ mang lại một lợi thế cạnh tranh vô cùng lớn và một triển vọng hết sức sáng sủa cho nhiều ngành hàng của chúng ta, kéo theo đó là lợi ích cho một bộ phận lớn người lao động hoạt động trong các lĩnh vực phục vụ xuất khẩu. Lợi ích này không chỉ dừng lại ở những nhóm mặt hàng mà Việt Nam đang có thế mạnh xuất khẩu (ví dụ như dệt may, giày dép...), nó còn là động lực để nhiều nhóm mặt hàng khác hiện chưa có kim ngạch đáng kể có điều kiện để gia tăng sức cạnh tranh. Nói một cách khác, lợi thế này không chỉ nhìn từ góc độ hiện tại mà còn được nhìn thấy ở cả tiềm năng trong tương lai.

Tuy nhiên, lợi ích này cần được đánh giá một cách chừng mực hơn, đặc biệt khi quyết định đánh đổi quyền tiếp cận thị trường Việt Nam của hàng hóa nước ngoài để có được những lợi ích này. Cụ thể:

- Thực tế, cơ hội tăng mạnh xuất khẩu không phải cho tất cả: Như với Hoa Kỳ, hàng thủy sản chưa chế biến hay đồ gỗ (hai lĩnh vực xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang thị trường này) thực tế đã đang được hưởng mức thuế suất gần bằng 0. Tương tự với một số thị trường khác (ví dụ Úc, New Zealand, Peru hiện đã áp dụng mức thuế 0% cho các sản phẩm thủy sản như cá, tôm, cua... của Việt Nam);
- Đối với những mặt hàng khác, trong khi cơ hội tăng xuất khẩu với giá cạnh tranh là có thật và rất lớn (ví dụ dệt may, da giày), những rào cản dưới dạng quy định kỹ thuật, vệ sinh dịch tễ hay kiện phòng vệ thương mại với quy chế nền kinh tế phi thị trường mà Hoa Kỳ thực hiện rất có thể sẽ vô hiệu hóa lợi ích từ việc giảm thuế quan.

### ***Lợi ích tiếp cận thị trường*** (đối với thương mại dịch vụ và đầu tư)

Về lý thuyết Việt Nam sẽ được tiếp cận thị trường dịch vụ của các nước đối tác thuận lợi hơn, với ít các rào cản và điều kiện hơn. Tuy vậy trên thực tế dịch vụ của Việt Nam hầu như chưa có đầu tư đáng kể ở nước ngoài do năng lực cung cấp dịch vụ của các doanh nghiệp Việt Nam còn yếu.

### ***(ii) Nhóm các lợi ích khai thác được tại thị trường nội địa (Việt Nam)***

- Lợi ích từ việc giảm thuế hàng nhập khẩu từ các nước TPP: Người tiêu dùng và các ngành sản xuất sử dụng nguyên liệu nhập khẩu từ các nước này làm nguyên liệu đầu vào sẽ được hưởng lợi từ hàng hóa, nguyên liệu giá rẻ, giúp giảm chi phí sinh hoạt và sản xuất, từ đó có thể giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của những ngành này;
- Lợi ích từ những khoản đầu tư, dịch vụ đến từ Hoa Kỳ và các nước đối tác TPP: Đó là một môi trường kinh doanh cạnh tranh hơn, mang lại dịch vụ giá rẻ hơn chất lượng tốt hơn cho người tiêu dùng, những công nghệ và phương thức quản lý mới cho đối tác Việt Nam và để tiến bộ hơn cho các đơn vị dịch vụ nội địa;
- Lợi ích đến từ những thay đổi thể chế hay cải cách để đáp ứng những đòi hỏi chung của TPP: TPP dự kiến sẽ bao trùm cả những cam kết về những vấn đề xuyên suốt như sự hài hòa giữa các quy định pháp luật, tính cạnh tranh, vấn đề hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, chuỗi cung ứng, hỗ trợ phát triển... Đây là những lợi ích lâu dài và xuyên suốt các khía cạnh của đời sống kinh tế - xã hội, đặc biệt có ý nghĩa đối với nhóm doanh nghiệp chiếm tỷ trọng lớn nhất (doanh nghiệp nhỏ và vừa) ;
- Lợi ích đến từ việc mở cửa thị trường mua sắm công: Mặc dù mức độ mở cửa đối với thị trường mua sắm công trong khuôn khổ TPP chưa được xác định cụ thể nhưng nhiều khả năng các



nội dung trong Hiệp định về mua sắm công trong WTO sẽ được áp dụng cho TPP, và nếu điều này là thực tế thì lợi ích mà Việt Nam có được từ điều này sẽ là triển vọng minh bạch hóa thị trường quan trọng này – TPP ;

– Lợi ích đến từ việc thực thi các tiêu chuẩn về lao động, môi trường: Là cơ hội tốt để Việt Nam làm tốt hơn vấn đề bảo vệ môi trường (đặc biệt trong đầu tư từ các nước đối tác TPP) và bảo vệ người lao động nội địa.

## **2.2. Bất lợi từ TPP và tình huống giảm nhẹ**

### **(i) “Mất” ở thị trường nội địa**

*Bất lợi từ việc giảm thuế quan đối với hàng hóa từ các nước đối tác TPP*

Việc phải cam kết giảm thuế đối với phần lớn các nhóm mặt hàng từ các nước đối tác TPP dự kiến sẽ gây ra 02 bất lợi trực tiếp, bao gồm (i) giảm nguồn thu ngân sách từ thuế nhập khẩu và (ii) cạnh tranh trong nước gay gắt hơn.

Thứ nhất, việc giảm thu ngân sách từ thuế nhập khẩu sau khi thực hiện TPP là hệ quả chắc chắn và trực tiếp. Tuy nhiên cũng có ý kiến cho rằng lượng thất thu từ thuế nhập khẩu của Việt Nam từ các đối tác TPP không thật sự lớn so với hiện trạng (do phần lớn các đối tác trong TPP đã có FTA với Việt Nam và do đó chúng ta đã và sẽ phải cắt giảm thuế theo các FTA này mà không phải chờ đến TPP). Và do đó tác động bất lợi này không phải là quá nghiêm trọng.

Thứ hai, giảm thuế quan có thể khiến luồng hàng nhập khẩu từ các nước TPP vào Việt Nam gia tăng, với giá cả cạnh tranh hơn. Hệ quả tất yếu là thị phần hàng hóa liên quan tại Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng và cạnh tranh sẽ gay gắt hơn. Đây là thực tế đã từng xảy ra khi chúng ta thực hiện các FTA đã ký mà đặc biệt là ACFTA với Trung Quốc. Nguy cơ này đặc biệt nguy hiểm đối với nhóm hàng nông sản, vốn gắn liền với nhóm đối tượng dễ bị tổn thương trong hội nhập là nông dân và nông thôn.

*Bất lợi từ việc thực thi các yêu cầu cao về môi trường, lao động, cạnh tranh... và các ràng buộc mang tính thủ tục khi ban hành các quy định liên quan đến rào cản kỹ thuật, vệ sinh dịch tễ...*

*Bất lợi từ việc thực thi các yêu cầu cao liên quan đến việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ*

Hoa Kỳ là đối tác có tiếng là cứng rắn trong những vấn đề liên quan đến bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cả trong WTO lẫn trong các FTA của nước này. Đối với TPP, vấn đề này cũng đã được Hoa Kỳ thể hiện tương đối rõ ràng (với mong muốn đạt được TRIPS + trong lĩnh vực này).

*Bất lợi từ việc mở cửa thị trường mua sắm công*

Trong WTO, Hiệp định về mua sắm công có sự tham gia của một số lượng rất hạn chế các nước và mặc dù bị Hoa Kỳ kêu gọi hoặc thúc ép, nhiều nước vẫn giữ quan điểm thận trọng đối với lĩnh vực này. Trong TPP, có nhiều ý kiến cho rằng Hoa Kỳ sẽ lại đưa ra yêu cầu này cho các đối tác tham gia đàm phán (ví dụ bằng việc yêu cầu các đối tác TPP tham gia Hiệp định về mua sắm công của WTO hoặc đưa các quy định của Hiệp định này vào TPP).

### **(ii) “Mất” ở thị trường các nước đối tác TPP**

- Các yêu cầu/tiêu chuẩn cao về môi trường và lao động:

Trên thực tế, các yêu cầu này ở các thị trường đối tác TPP (đặc biệt là Hoa Kỳ) đã từng hoặc đang khiến nhiều loại hàng hóa xuất khẩu gặp nhiều thách thức ở các thị trường này (ví dụ tiêu chuẩn về nguồn gốc đối với các sản phẩm có chứa gỗ). Vì vậy đây luôn luôn là vấn đề hóc búa đối với hàng hóa xuất khẩu Việt Nam.

- *Các thủ tục ràng buộc về ban hành và thực thi các quy định về TBT, SPS, phòng vệ thương mại...*

Khả năng TPP tương lai có các điều khoản về TBT, SPS, phòng vệ thương mại... là rất lớn. Đây lại là những rào cản mà hàng hóa xuất khẩu Việt Nam lâu nay phải đối mặt ở các thị trường xuất khẩu, đặc biệt là Hoa Kỳ. Do đó mỗi quan ngại rằng những cam kết về các vấn đề này có thể khiến cho những lợi thế về thuế quan mà hàng hóa xuất khẩu Việt Nam được hưởng từ TPP bị vô hiệu hóa không phải không có cơ sở.

### 3. KẾT LUẬN

Trong làn sóng đàm phán và ký kết các FTA của Nhà nước ta hiện nay, đàm phán Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP) được đánh giá là một trong những đàm phán mở cửa thương mại tự do quan trọng nhất của Việt Nam.

Vì vậy, việc cộng đồng doanh nghiệp nói riêng và công chúng nói chung có ý kiến về phương án đàm phán thích hợp và mức độ cam kết có lợi nhất cho nền kinh tế Việt Nam nói chung là hài hòa được lợi ích của các ngành nói riêng trong khuôn khổ đàm phán này là rất cần thiết.

Nghiên cứu của chuyên gia và tổng hợp ý kiến của các doanh nghiệp, hiệp hội cho thấy về cơ bản TPP có thể mang lại nhiều lợi ích cho các doanh nghiệp và nền kinh tế Việt Nam; những bất lợi là có nhưng nhìn tổng thể là nhỏ hơn lợi ích tiềm tàng. Vì thế khuyến nghị chung từ phía cộng đồng doanh nghiệp là Nhà nước có phương án đàm phán mạnh dạn, chấp nhận các mức độ mở cửa rộng trong khuôn khổ TPP.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, trong quá trình đàm phán, để có thể tận dụng tốt những cơ hội, tránh tình trạng lợi ích bị vô hiệu hóa và hạn chế tối đa các tác động không mong muốn của TPP, cộng đồng doanh nghiệp khuyến nghị Nhà nước đặc biệt chú ý đến quan điểm đàm phán cụ thể ở một số vấn đề đặc biệt.